TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2023
"V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thanh – Bà Phan Thị Quế
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Không tham gia.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:182/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 , về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:112/2023/QĐST- HNGĐ ngày 01/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:27/2023/QĐ-HPT ngày 15/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị S, sinh ngày 01/3/1993.
Trú tại: xóm Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Có mặt)
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 15/7/1981.
Trú tại: xóm Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
(Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Văn H cưới nhau vào tháng 3/2012, trước khi cưới anh chị có quá trình tìm hiểu tự nguyện tiến tới hôn nhân đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 12/2012 ngày 09/3/2012. Sau khi kết hôn thì đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, nên vợ chồng thường xuyên có những hành động, lời nói thiếu tôn trọng lẫn nhau. Quá trình mâu thuân hai bên đã tự hòa giải, tạo điều kiện cho nhau để nối lại

hôn nhân, nhưng kết quả không thành. Do nguyên nhân mâu thuẫn xảy ra ngày sâu sắc trầm trọng, nên đã làm mất tình cảm vợ chồng, hôn nhân đổ vỡ. Không sống được với nhau vợ chồng sống ly thân cắt đứt các quan hệ sinh hoạt đối với nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay. Chị Trần Thị S xác định hôn nhân giữa chị và anh H đã đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu thì vợ chồng cũng không thể đoàn tụ, hằn gắn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 con chung cháu Nguyễn Thị Trà M(Giới tính: Nữ), sinh ngày 27/08/2012; cháu Nguyễn Thị Bảo T(Giới tính: Nữ), sinh ngày 21/7/2014 và cháu Nguyễn Trí D(Giới tính: Nam) sinh ngày 28/01/2017. Con chung hiện nay đang được anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, Chị S đi lại thăm nom chăm sóc con chung thường xuyên. Ly hôn chị đề nghị giao ba con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, vì con chung có nguyện vọng được sinh sống với bố, hơn nữa chị đang có dự kiến đi làm ăn xa không thể trực tiếp để nuôi con, chị sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi ba con chung cùng anh H mỗi tháng 3.000.000 đồng.

-Về quan hệ tài sản: chị Trần Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Nguyễn Văn H, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác, cố tình vắng mặt, Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của bị đơn. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị S và anh Nguyễn Văn H cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xóm Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu nguyên đơn, bị đơn có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng bị đơn không chấp hành, không hợp tác. Do đó Tòa án đã lập biên bản theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã được tống đạt lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án.Tòa án tiếp tục tống đạt, hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn Anh Nguyễn Văn H.

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Trần Thị S, anh Nguyễn Văn H được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Chị S, anh H tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 12/2012 ngày 09/3/2012 nên xác định hôn nhân giữa chị Trần Thị S và anh Nguyễn Văn H là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa chị S, anh H tan rã, đổ vỡ là do quá trình sống chung vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, không tìm được tiếng nói, lối đi chung hôn nhân. Thời gian sống ly thân cho đến lúc Tòa án thụ lý các bên không liên lạc hòa giải, níu kéo hôn nhân. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị S, anh H đã thực sự tan rã, đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm không còn. Chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H là có cơ sở đúng pháp luật, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có ba chung chung, từ ngày vợ chồng sống ly thân con được Anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, Chị S rất có trách nhiệm đối với con chung đi lại thăm nom chăm sóc con chung thường xuyên. Do điều kiện khó khăn Chị S đang có dự kiến đi làm ăn xa, không có thời gian để trực tiếp nuôi con chung, chị đề nghị gia cả ba con chung cho Anh H nuôi dưỡng, chi sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi ba con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Chị S hiện nay không có việc làm ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, chị không có điều kiện để được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị S đề nghị giao ba con chung cho Anh H nuôi là đúng, phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng con chung, do đó cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của Chị Trần Thị S.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do Anh Nguyễn Văn H cố tình vắng mặt, không có bản khai, ý kiến để lại về việc yêu cầu cầu Chị S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nhưng Chị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi ba con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng là đúng pháp luật, thể hiện người mẹ có trách nhiệm, vì vậy chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của Chị Trần Thị S.

- Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị S không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc Chị Trần Thị S phải nộp án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm**:** Chị Trần Thị S được ly hôn Anh Nguyễn Văn H.

2.Về quan hệ con chung: Giao ba con chung cháu Nguyễn Thị Trà M (Giới tính: Nữ), sinh ngày 27/08/2012; cháu Nguyễn Thị Bảo T(Giới tính: Nữ), sinh ngày 21/7/2014 và cháu Nguyễn Trí D(Giới tính: Nam) sinh ngày 28/01/2017cho Anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị S người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn của chị Trần Thị S đối với con chung như sau:

Chị Trần có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi ba con chung cùng Anh Nguyễn Văn H mỗi tháng 3.000.000đ(Bằng chữ: Ba triệu đồng), mỗi cháu 1.000.000 đồng, kể từ tháng 6/2023 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Anh Nguyễn Văn H làm đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nói trên, nếu chị Trần Thị S không thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Trần Thị S nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm. Số tiền án phí ly hôn sơ thẩm của Chị S được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: 0000770 ngày 17/4/2023. Chị Trần Thị S còn phải nộp 300.000đ(ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

4.Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã T, huyện Y, Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã T(Nơi ĐKKH)